

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **04/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 22/03/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Du

2. Ông Điều Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 246/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXX - ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 9, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Anh Lê Công C, sinh năm 1994 (vắng mặt)

HKTT: Thôn T, xã B, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

Tạm trú tại: khu phố 8, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa vào

ngày 17/5/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế trong gia đình, không có sự tôn trọng đối với nhau nên thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đến tháng 10 năm 2021, chị T ôm con về nhà mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị T được ly hôn với anh C.

Về con chung: chị T và anh C có 01 người con chung tên Lê Thị Bảo H, sinh ngày 11/9/2018. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 31/12/2021 và biên bản hòa giải ngày 12/01/2022 bị đơn anh Lê Công C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C thống nhất với phần trình bày của chị T về việc anh và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống cũng như tình trạng hôn nhân. Nhưng anh C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T vì anh cho rằng mâu thuẫn trên là chưa đến mức phải ly hôn.

Về con chung: Anh C không đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, vì cho rằng chị T không đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, anh C làm tài xế, mức lương 12.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện nuôi con. Nếu giao con chung cho anh C nuôi dưỡng, anh C không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: xin được ly hôn với anh C và đề nghị giao con chung chưa thành niên là cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn Lê Công C, đồng thời bị đơn cư trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2018 tại UBND xã B, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32. Do vậy, hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, xét thấy trong quá trình chung sống giữa chị T và anh C có thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng không còn sự tôn trọng lẫn nhau. Anh C thừa nhận bản thân có phần lỗi do anh ham chơi, không chí thú làm ăn, không quan tâm vợ con. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay, quá trình ly thân vợ chồng cũng không thể hòa giải mâu thuẫn để về đoàn tụ, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Xét yêu cầu xin nuôi con của nguyên đơn: Quá trình giải quyết, Tòa án yêu cầu chị T anh C cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con, anh C chị T không cung cấp được nhưng anh C chị T đều thừa nhận anh C chị T có công việc và thu nhập để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trong thời gian ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vẫn đảm bảo cho sự phát triển toàn diện thể chất, tinh thần cho cháu H. Xét, con chung là cháu Lê Thị Bảo H, sinh ngày 11/9/2018, tuổi còn rất nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc từ mẹ. Nên cần chấp nhận yêu cầu

xin được trực tiếp nuôi con của chị T, giao con chung tên Lê Thị Bảo H, sinh ngày 11/9/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh C thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Công C.

2. Về con chung:

Giao con chung Lê Thị Bảo H, sinh ngày 11/9/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0008xxx ngày 08/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 22/3/2022; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND xã B, H, Tỉnh Gia,
- T. Thanh Hóa (số 32 ngày 17/5/2018);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

